

ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN VÙNG ĐÔNG NAM BỘ ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Trần Hồng Quang *,
Nguyễn Việt Dũng **

Tóm tắt: Trên cơ sở Luật Quy hoạch, các quy hoạch phát triển của các bộ, ngành trung ương và của địa phương đã có sự thay đổi về chất theo hướng phát huy mạnh mẽ hơn nữa cơ chế thị trường, đồng thời tăng cường tích hợp quy hoạch mang tính đa ngành, đa lĩnh vực vì mục tiêu phát triển bền vững. Bài nghiên cứu này nêu ra những định hướng phát triển về không gian cho vùng Đông Nam Bộ vốn giàu tiềm năng vốn đã bị lãng quên từ nhiều thập kỷ để có thể phát triển mạnh mẽ hơn nữa, đóng góp to lớn hơn nữa vào sự nghiệp phát triển đất nước.

Từ khóa: Quy hoạch, phát triển, phát triển vùng.

Summary: On the basis of the Masterplanning Law, development plans of ministries, central branches and localities have had qualitative changes in the direction of further promoting the market mechanism, while strengthening Integrate multi-branch and multi-sector planning for sustainable development. This study points out spatial development directions for the Southeast region, which is rich in potential and has been neglected for many decades, so that it can develop even more strongly and contribute even more greatly to the country development.

Keywords: Planning, development, regional development.

1. Đánh giá những điểm mạnh và những hạn chế của vùng Đông Nam Bộ

a) Những điểm mạnh

(1) Vùng Đông Nam Bộ có vị trí và điều kiện tự nhiên rất thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao thương quốc tế

- Vùng Đông Nam Bộ là trung tâm về mặt địa lý của khu vực ASEAN; tiếp giáp với biển Đông, có vị trí thuận lợi xây dựng cảng biển nước sâu trung chuyển quốc tế, cảng hàng không trung chuyển quốc tế;

- Đông Nam Bộ nằm trên vùng đồng

bằng và bình nguyên rộng, chuyển tiếp từ cao nguyên Nam Trung Bộ đến Đồng bằng sông Cửu Long, phần nhiều là nền đất cứng, thuận tiện cho phát triển kết cấu hạ tầng. Điều kiện địa hình, đất đai, khí hậu của Đông Nam Bộ thuận lợi cho xây dựng đô thị, phát triển các khu công nghiệp, các vùng cây công nghiệp, cây ăn quả quy mô lớn;

- Vùng Đông Nam Bộ có cửa biển, cảng biển và hệ thống các sông lớn kết nối sâu vào trong nội địa, nơi tập trung các khu vực sản xuất hàng hoá, dịch vụ;

- Tài nguyên biển của vùng rất nổi

* Tiến sĩ, Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

** Thạc sĩ, Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

trội, có khả năng sánh tầm quốc tế về khai khoáng (dầu khí), du lịch (bãi biển tại Vũng Tàu, Long Hải, môi trường sinh thái ở Cần Giờ, Côn Đảo) và bảo tồn hệ sinh thái (nổi trội là Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cần Giờ, Khu dự trữ sinh quyển thế giới Đồng Nai và Vườn quốc gia Côn Đảo);

- Tài nguyên nước khá phong phú và dồi dào từ hệ thống sông Đồng Nai.

(2) Vùng Đông Nam Bộ là nơi tập trung nguồn lực lớn nhất và có trình độ phát triển đứng đầu cả nước. Vùng là trung tâm tập trung, tích tụ vốn, tích lũy tài sản lớn nhất của quốc gia. Quy mô GRDP, thu hút FDI, đóng góp ngân sách của vùng liên tục đứng đầu cả nước. Con người vùng Đông Nam Bộ năng động, đổi mới, sáng tạo, có tinh thần doanh nhân vượt trội. Vùng cũng là nơi tập trung đông đảo nhất mạng lưới các trường đại học, viện nghiên cứu, bệnh viện uy tín, chất lượng với đội ngũ lao động có trình độ, uy tín hàng đầu.

Hệ sinh thái tài chính, ngân hàng của vùng đã tiệm cận sự phát triển với các nước hàng đầu trong khu vực, có mức độ kết nối cao nhất với thị trường tài chính khu vực và thế giới. Vùng đồng thời là trung tâm công nghiệp đứng đầu của cả nước, với nhiều ngành tham gia tương đối sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; là nơi tập trung lớn nhất nhân lực và tiềm lực ngành bán dẫn, sản xuất chip của cả nước. Hệ thống hạ tầng khu công nghiệp trong vùng phát triển mang tính chuyên nghiệp cao; có khu công nghệ cao thành công nhất cả nước.

(3) Đông Nam Bộ có quy mô thị trường lớn nhất cả nước. Vùng có trình

độ phát triển kinh tế thị trường và mức độ phát triển của các loại thị trường tương đối cao so với thông lệ và cao nhất so với các vùng khác trong cả nước. Người tiêu dùng sẵn sàng chi tiêu và thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ mới, cao cấp,... là điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh doanh, nhất là các mô hình kinh doanh mới, sáng tạo. Quy mô dân số của vùng đứng thứ 3 cả nước, gần 19 triệu người, nhưng GRDP/người và mức sống dân cư của vùng lại cao nhất, tỷ lệ nghèo thấp nhất cả nước (khoảng 0,7%). Do vậy, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của vùng luôn đứng đầu và chiếm tỷ trọng cao nhất của cả nước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2019 đạt 1,6 triệu tỷ đồng (chiếm 32,8% cả nước), năm 2022 hồi phục về mức 1,48 triệu tỷ đồng (chiếm 27,7% cả nước).

(4) Vùng có môi trường kinh doanh năng động, sáng tạo, gắn kết mạnh mẽ với thị trường khu vực, thế giới, có sức hấp dẫn lớn trong thu hút nguồn lực cả trong và ngoài nước. Vùng có cộng đồng doanh nhân khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo sôi động hàng đầu cả nước với 364,1 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động vào năm 2022, trong đó có tới gần 56 nghìn doanh nghiệp đăng ký mới trong năm này. Bên cạnh đó, vùng Đông Nam Bộ có truyền thống là đầu tàu đi đầu trong cải cách phát triển, thí điểm nhiều cơ chế chính sách đột phá để phát triển của đất nước.

(5) Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật khá phát triển với các công trình đầu mối mang tính cửa ngõ kết nối quốc gia với toàn cầu. Vùng Đông Nam Bộ hiện nay có 2 cảng hàng không đang hoạt

động là Cảng Hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất và Cảng Hàng không Côn Đảo. Ngoài ra, cụm cảng biển Hồ Chí Minh và cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu là 2 cụm cảng biển container lớn nhất cả nước và nằm trong top 50 cảng container lớn nhất trên thế giới. Đặc biệt, cảng Thị Vải - Cái Mép được xác định là một trong 2 cảng biển cửa ngõ quốc tế của Việt Nam.

Bên cạnh đó, các hạ tầng về văn hóa, xã hội như y tế, giáo dục, khoa học - công nghệ, bưu chính viễn thông,... cũng phát triển hàng đầu của cả nước. Nổi bật là các trường đại học, các bệnh viện và các trung tâm khoa học công nghệ lớn như Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh.

(6) Vùng Đông Nam Bộ có đô thị phát triển bậc nhất cả nước gắn với phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ với tỷ lệ đô thị hóa cao nhất cả nước (66,5%), hơn gần 29% so với bình quân cả nước và đứng thứ hai sau vùng Đồng bằng sông Hồng; diện mạo đô thị ngày càng hiện đại; hệ thống đô thị đã được phát triển, phân bố hợp lý tạo sự liên kết giữa các đô thị trong vùng, từng bước tạo động lực để phát triển các khu vực. Đây là không gian kinh tế hết sức thuận lợi cho phát triển công nghiệp, dịch vụ và nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân. Không những vậy, khu vực nông thôn của Đông Nam Bộ cũng rất phát triển, khi chương trình nông thôn mới được quan tâm và được triển khai tích cực ở các địa phương trong vùng. Sau 10 năm thực hiện, bộ mặt nông thôn trong vùng được đổi mới, cơ sở hạ tầng thiết yếu được nâng cấp, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố, thu nhập và điều kiện sống của nhân dân được cải thiện.

b) Những điểm yếu, hạn chế

(1) Vùng không huy động được đủ nguồn lực tương xứng với yêu cầu phát triển; vị thế tương đối của vùng Đông Nam Bộ giảm dần so với các vùng khác trong cả nước, nhất là vùng Đồng bằng sông Hồng. Mô hình tăng trưởng của vùng không còn phù hợp, chưa có bước bứt phá sang mô hình tăng trưởng mới. Sức hấp dẫn của vùng giảm xuống; **động lực tăng trưởng của toàn vùng đang chậm lại**. Tốc độ tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động, đóng góp về thu ngân sách, thu hút FDI và xuất khẩu của vùng có chiều hướng giảm sút. Năng suất lao động vẫn ở mức cao nhất cả nước, nhưng tốc độ tăng trưởng năng suất đã thấp hơn mức trung bình cả nước, phản ánh mô hình tăng trưởng hiện tại của vùng đã tới hạn, đặt ra yêu cầu phải đổi mới mô hình, phương thức tăng trưởng.

(2) Công nghiệp phát triển còn thiếu tính bền vững; chủ yếu là gia công, lắp ráp, giá trị gia tăng thấp, đóng góp chưa tương xứng với nguồn lực như đất đai, ưu đãi đầu tư,... Tiến trình công nghiệp hóa chưa đi đôi với hiện đại hóa. Chi phí sản xuất công nghiệp cao, tỷ lệ nội địa hóa thấp; phân bố không gian phát triển công nghiệp chưa hợp lý, dẫn đến tình trạng trùng lặp về cơ cấu ngành, lĩnh vực đầu tư giữa các địa phương trong nội bộ vùng gây lãng phí nguồn lực, chồng chéo. Chưa đạt được mục tiêu phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn; phân bố các khu công nghiệp, khu chế xuất chưa hợp lý, tập trung nhiều tại các khu vực nội đô, đông dân cư. Phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao có giá trị gia tăng

lớn, công nghiệp hỗ trợ còn chậm; chất lượng và sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm chủ lực chưa cao; *các ngành dịch vụ cao cấp, chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Khoa học công nghệ chưa đóng góp nhiều vào thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng* của các địa phương trong vùng. Chưa làm chủ công nghệ cao, công nghệ cốt lõi, công nghệ nguồn trong những ngành chủ lực.

(3) Mạng lưới kết cấu hạ tầng cấp vùng, liên vùng còn thiếu, yếu, chưa đồng bộ, kìm hãm sự phát triển và sức lan tỏa của vùng. Hệ thống giao thông quá tải, tắc nghẽn, xuống cấp, nhất là các tuyến đường quốc lộ và đường nội đô, kết nối cảng biển; thiếu đồng bộ giữa phát triển các phương thức vận tải, giữa hệ thống giao thông với các bến cảng, trung tâm logistics, giữa kết cấu hạ tầng của các địa phương trong vùng dẫn đến làm chậm khả năng luân chuyển hàng hóa, làm giảm năng lực cạnh tranh, kìm hãm sự phát triển của vùng. Đường sắt quốc gia chỉ mới dừng ở mức nghiên cứu, đường sắt đô thị chưa phát triển. Tình trạng tắc nghẽn giao thông và ngập úng thường xuyên tại TP Hồ Chí Minh chậm được khắc phục.

Hạ tầng xã hội chưa theo kịp sự phát triển. Tình trạng quá tải ở các trường học, cơ sở đào tạo, dạy nghề, cơ sở khám chữa bệnh công lập chậm được khắc phục. Năng lực y tế dự phòng và y tế cơ sở còn yếu, chưa đáp ứng các tình huống dịch bệnh bất thường. Phát triển nhà ở xã hội chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là nhà ở cho công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

(4) Tình trạng ô nhiễm môi trường,

nhất là ô nhiễm nguồn nước, không khí, rác thải nhựa, rác thải y tế và chất thải rắn là vấn đề bức xúc trong vùng nhưng *chưa được cải thiện*. Quá trình đô thị hóa ngày càng gia tăng áp lực và tác động tiêu cực đối với môi trường sinh thái, phát thải khí nhà kính lớn, làm suy thoái tài nguyên trong vùng.

(5) Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế của vùng và cả nước. Trong khi đó, tốc độ già hóa dân số của vùng tiếp tục tăng mạnh khi tỷ lệ sinh thấp. Tốc độ tăng dân số tự nhiên của vùng giảm mạnh, ở dưới mức sinh thay thế, nhất là TP Hồ Chí Minh, dẫn tới khả năng thiếu hụt nguồn nhân lực tại chỗ cho phát triển kinh tế và sức mua của thị trường.

(6) Kết nối, phối hợp, liên kết vùng thiếu chặt chẽ, còn hình thức, liên kết nội vùng và liên vùng chưa có tính chiến lược, lâu dài theo hướng bổ trợ lẫn nhau để nâng cao năng lực cạnh tranh của vùng, chưa tạo được không gian kinh tế thống nhất nhằm phát huy lợi thế cạnh tranh của mỗi địa phương và toàn vùng. Liên kết vùng về xây dựng và thực hiện quy hoạch, đào tạo và sử dụng, nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu, kết cấu hạ tầng nhất là hạ tầng giao thông chưa hiệu quả.

Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của các địa phương trong vùng có sự giảm sút, thể hiện *môi trường đầu tư kinh doanh đang thiếu sự hấp dẫn tương đối* so với các vùng khác trong cả nước.

2. Mục tiêu và tầm nhìn

a) *Mục tiêu phát triển vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030*

Xây dựng Đông Nam Bộ trở thành vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, động lực tăng trưởng lớn nhất cả nước; trung tâm khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, logistics và trung tâm tài chính quốc tế có tính cạnh tranh cao trong khu vực; phấn đấu đến năm 2030 đạt ngưỡng thu nhập cao. Đi đầu trong đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, phát triển kinh tế xanh, phát thải các-bon thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển nhanh hệ thống đô thị thông minh và hiện đại. Cơ bản hoàn thành hệ thống giao thông kết nối nội vùng, liên vùng và khu vực; đầu mối giao thương, hội nhập khu vực và thế giới. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế phát triển đứng đầu cả nước. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện rõ nét và dẫn đầu cả nước. Tình trạng ô nhiễm môi trường, tắc nghẽn giao thông và ngập úng cơ bản được giải quyết. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

b) Tầm nhìn đến năm 2050

Đông Nam Bộ trở thành vùng phát triển hiện đại, có thu nhập cao ngang bằng với các nước phát triển¹; có tiềm lực kinh tế mạnh, cơ cấu kinh tế hiện đại; là trung tâm khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, logistics và trung tâm tài chính quốc tế thuộc nhóm đầu của khu vực và thế giới; có kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ. Phát triển hài hoà giữa kinh tế với văn hoá, xã

hội, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; có chất lượng cuộc sống cao, có trình độ y tế, giáo dục thuộc nhóm dẫn đầu Đông Nam Á. Thành phố Hồ Chí Minh là hạt nhân, cực tăng trưởng của vùng; nơi thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, trí thức trẻ đến sinh sống và làm việc; nơi tập trung các định chế tài chính quốc tế, các tập đoàn kinh tế lớn của thế giới. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

3. Quan điểm, định hướng tổ chức không phát triển vùng Đông Nam Bộ

a) Quan điểm về tổ chức không gian phát triển

- Tổ chức không gian phát triển vùng gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và phát triển hài hòa khu vực đô thị, nông thôn. Giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường, tắc nghẽn giao thông và ngập úng;

- Mở rộng không gian phát triển trên cơ sở tập trung xây dựng các hành lang kinh tế, vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics gắn với các hành lang giao thông kết nối vùng và liên vùng. Phát huy vai trò của các hành lang kinh tế và vùng động lực quốc gia trên địa bàn vùng để thúc đẩy, nâng cao hiệu quả liên kết liên vùng với Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và khu vực Nam Trung Bộ. Chú trọng kết nối các hành lang kinh tế trong nước với các hành lang kinh tế của khu vực và quốc tế, đặc biệt là liên kết trong khu vực ASEAN;

¹ Các quốc gia thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD).

- Tăng cường đổi mới liên kết vùng trên cơ sở xây dựng cơ chế liên kết và điều phối vùng hiệu lực, hiệu quả, thúc đẩy liên kết giữa các địa phương trong vùng, giữa vùng với các vùng khác; tạo không gian kinh tế thống nhất, khắc phục các điểm nghẽn, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao khả năng cạnh tranh vùng. Phát triển nhanh, bền vững, hài hoà giữa các tiểu vùng, các địa phương trong vùng; thu hẹp khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển giữa các địa phương trong vùng;

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn với sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thực hiện giảm phát thải khí nhà kính trong các ngành, lĩnh vực; chú trọng bảo vệ rừng, tài nguyên biển, bảo đảm an ninh nguồn nước;

- Tổ chức không gian phát triển vùng phải gắn kết giữa khu vực đất liền với không gian biển; quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả không gian ngầm, không gian trên cao. Khai thác hiệu quả tài nguyên số, không gian số để tạo ra không gian phát triển mới. Phát triển kinh tế - xã hội vùng gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, mở rộng đối ngoại và hợp tác quốc tế.

b) Phương án phát triển theo các tiểu vùng

(1) Tiểu vùng trung tâm. Gồm TP Hồ Chí Minh, khu vực phía Nam tỉnh Bình Dương và Tây Nam tỉnh Đồng Nai, là trung tâm phát triển của toàn vùng.

Tiếp tục phát huy thế mạnh của tiểu vùng về công nghiệp công nghệ cao,

công nghiệp chuyên sâu và dịch vụ chất lượng cao. Tập trung vào các sản phẩm và công đoạn có giá trị gia tăng cao tham gia trong chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Nâng cao chất lượng phát triển các ngành công nghiệp then chốt, ưu tiên các ngành và sản phẩm công nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, ít thâm dụng lao động như công nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, điện tử - viễn thông, cơ khí chính xác, chế tạo thông minh. Xây dựng, phát huy hiệu quả mô hình các khu công nghệ cao, các trung tâm đổi mới sáng tạo; chuyển đổi, phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất theo hướng công nghệ cao; phát triển kinh tế trí thức, sáng tạo, kinh tế số.

Tập trung phát triển các ngành dịch vụ trọng điểm có lợi thế so sánh và giá trị gia tăng cao (thương mại, vận tải kho bãi, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch...). Thúc đẩy công nghệ số trong các ngành dịch vụ có mức độ sẵn sàng cao như tài chính - ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, thương mại điện tử, du lịch số, văn hoá số. Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị hạt nhân, tập trung chuyển nhanh sang dịch vụ chất lượng cao, dịch vụ tài chính quốc tế.

Xây dựng TP Hồ Chí Minh thành trung tâm tiêu biểu về giáo dục và đào tạo chất lượng cao của quốc gia và khu vực, tiệm cận nhanh trình độ quốc tế, thích ứng với quá trình chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và hội nhập; các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai trở thành trung tâm giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cấp vùng và quốc gia; phát triển các mô hình giáo dục, đào tạo mới dựa

trên các nền tảng số. Xây dựng hệ thống y tế tiên tiến, hiện đại, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ cao, tập trung phát triển một số lĩnh vực tiếp cận trình độ công nghệ thế giới. Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo tại các đô thị lớn trong tiểu vùng.

Phát triển vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ theo vành đai 3, vành đai 4 TP Hồ Chí Minh. Phát triển thành phố Thủ Đức trở thành cực tăng trưởng mới, là đô thị sáng tạo, tương tác cao, hạt nhân thúc đẩy kinh tế - xã hội TP Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ. Phát triển thành phố sân bay cửa ngõ quốc tế Long Thành, khai thác tối đa lợi thế từ cảng hàng không để phát triển dịch vụ logistics, công nghiệp, đô thị.

(2) Tiểu vùng ven biển. Gồm khu vực Cần Giờ (TP Hồ Chí Minh) và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Phát triển khu vực này trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm quốc tế hàng đầu ở Châu Á với các ngành kinh tế biển: cảng biển, logistics, khai thác dầu khí, hoá dầu, du lịch biển, đảo, khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Quản lý, khai thác, sử dụng các khu vực biển tuân thủ theo Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

Phát triển và hiện đại hoá cảng cửa ngõ quốc tế Cái Mép - Thị Vải thành cảng quốc tế trung chuyển lớn có tầm cỡ khu vực Châu Á và quốc tế. Xây dựng cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ.

Hình thành các tổ hợp công nghiệp

- dịch vụ - đô thị quy mô lớn tham gia và liên kết hiệu quả với vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ của vùng theo vành đai 4 TP Hồ Chí Minh và hành lang theo đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu. Xây dựng khu thương mại tự do gắn với hệ thống cảng biển tại khu vực Cái Mép Hạ, hình thành hệ sinh thái công nghiệp - dịch vụ hoàn chỉnh.

Phát triển chuỗi đô thị du lịch ven biển theo hướng đô thị xanh; phát triển thành phố Vũng Tàu thành trung tâm du lịch chất lượng cao đẳng cấp quốc tế, Côn Đảo thành khu du lịch sinh thái biển đảo và văn hóa - lịch sử - tâm linh chất lượng cao, đặc sắc, tầm cỡ khu vực và quốc tế.

Chú trọng bảo vệ môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

(3) Tiểu vùng phía Bắc. Gồm các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước và khu vực phía Bắc của các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, là địa bàn phát triển kinh tế cửa khẩu, kho vận, mở rộng không gian phát triển công nghiệp của vùng; công nghiệp chế biến nông, lâm sản, trồng cây công nghiệp, có vai trò quan trọng trong bảo vệ nguồn nước, hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học.

Mở rộng và hình thành các khu công nghiệp mới tại các địa bàn có dư địa phát triển nhằm giảm tải áp lực phát triển công nghiệp cho Tiểu vùng trung tâm. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, hình thành và nâng cao hiệu quả các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung gắn với công nghiệp chế biến. Phát triển du lịch đi đôi với bảo vệ cảnh quan, môi trường, bảo

tồn thiên nhiên, bảo vệ chủ quyền biên giới, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các địa phương.

Phát triển hoạt động thương mại, đầu tư tại các khu kinh tế cửa khẩu, trọng tâm là khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài. Phát triển tuyến vành đai biên giới gắn với xây dựng điểm dân cư biên giới.

Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa tại tiểu vùng, từng bước nâng cao mức sống đô thị, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị.

c) Các hành lang phát triển chủ yếu

(1) Hành lang kinh tế Bắc - Nam trên địa bàn vùng Đông Nam Bộ (từ Đồng Nai đến TP Hồ Chí Minh)

Xây dựng trở thành hành lang kinh tế - công nghiệp - đô thị - dịch vụ; lan tỏa, liên kết phát triển từ vùng động lực phía Nam (vùng động lực quốc gia trên địa bàn vùng) đến các vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Tiếp tục nâng cao chất lượng phát triển đô thị trên hành lang. Xây dựng, nâng cấp hệ thống các khu công nghiệp có hạ tầng hiện đại, phát triển theo các cụm liên kết ngành. Đẩy mạnh thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, giảm dần mật độ phát triển công nghiệp thâm dụng lao động, giá trị gia tăng thấp. Phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao, nhất là các dịch vụ hỗ trợ sản xuất kinh doanh, tài chính, logistics, đào tạo, y tế.

Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống giao thông theo tuyến hành lang, tăng cường tác động lan tỏa của vùng Đông Nam Bộ tới các khu vực lân cận. Xây dựng, nâng cấp, mở rộng các đoạn tuyến của đường

cao tốc Bắc - Nam phía Đông; cao tốc TP Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng. Xây dựng đường sắt kết nối liên vùng TP. Hồ Chí Minh - Cần Thơ.

(2) Hành lang kinh tế Mộc Bài - TP Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu.

Gắn với hành lang kinh tế xuyên Á, là cửa ngõ ra biển của vùng; kết nối phát triển cho cả 03 tiểu vùng của vùng Đông Nam Bộ và thúc đẩy chuyển dịch một số ngành công nghiệp thâm dụng lao động từ tiểu vùng trung tâm lên tiểu vùng phía Bắc.

Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng giao thông để hỗ trợ kết nối trên toàn tuyến hành lang với các tuyến cao tốc TP Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Biên Hòa - Vũng Tàu; đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu (kết nối cảng biển cửa ngõ); đường sắt nhẹ Thủ Thiêm - Long Thành. Phát triển cảng Cái Mép - Thị Vải và xây dựng cảng Cần Giỏi thực sự trở thành cảng trung chuyển quốc tế.

Phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp hỗ trợ đi đôi với quá trình dịch chuyển không gian công nghiệp của vùng. Phát triển mạnh các ngành dịch vụ hỗ trợ sản xuất. Hình thành chuỗi công nghiệp - đô thị Mộc Bài - TP Hồ Chí Minh - Cảng Cái Mép - Thị Vải. Phát triển hạ tầng thương mại, logistics nhằm thúc đẩy giao lưu hàng hóa với các nước trong khu vực. Xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng các đô thị du lịch, một số khu du lịch quốc gia trọng điểm.

(3) Vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics dọc hành lang vành đai 3, vành đai 4 TP Hồ Chí Minh

Hoàn thành khép kín các đường vành đai 3, vành đai 4 TP Hồ Chí Minh. Phát

triển các khu vực đô thị, công nghiệp, các trung tâm dịch vụ trên cơ sở khai thác không gian phát triển mới từ đường vành đai 3, vành đai 4 TP Hồ Chí Minh tạo thành chuỗi liên kết liên ngành, liên địa phương hiệu quả.

(4) Hành lang theo Quốc lộ 13 từ TP. Hồ Chí Minh - Bình Dương - Bình Phước. Thúc đẩy phát triển theo hành lang Quốc lộ 13 kết nối TP Hồ Chí Minh - Bình Dương - Bình Phước; tạo điều kiện chuyển dịch một số ngành công nghiệp thâm dụng lao động từ tiểu vùng trung tâm lên tiểu vùng phía Bắc. Đồng thời với quá trình chuyển dịch không gian công nghiệp, từng bước chuyển đổi mô hình, nâng cấp các đô thị khu vực phía Nam tỉnh Bình Dương, hình thành các khu vực đô thị mới tại phía Bắc tỉnh Bình Dương, phát triển các đô thị của tỉnh Bình Phước trên trục hành lang. Xây dựng các tuyến cao tốc, đường sắt để tăng cường kết nối vùng: cao tốc TP Hồ Chí Minh - Chơn Thành - Hoa Lư, đường sắt TP. Hồ Chí Minh - Lộc Ninh.

(5) Hành lang kinh tế Tây Nguyên - Đông Nam Bộ. Từng bước hình thành hành lang kinh tế Tây Nguyên - Đông Nam Bộ gắn với đường Hồ Chí Minh và cao tốc Bắc - Nam phía Tây nhằm thúc đẩy phát triển, liên kết vùng, gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh.

Mở rộng phát triển đô thị và hệ

thống khu, cụm công nghiệp, trung tâm dịch vụ, du lịch gắn với các đô thị trung tâm tỉnh và vùng.

Phát triển hành lang kết nối các vùng nguyên liệu cây công nghiệp, công nghiệp chế biến, liên kết phát triển du lịch các địa phương vùng Đông Nam Bộ với tuyến du lịch “con đường xanh Tây Nguyên”, tăng cường tác động lan tỏa của các đô thị trung tâm tiểu vùng như Đồng Xoài, Chơn Thành (tỉnh Bình Phước), Trảng Bàng (tỉnh Tây Ninh).

(6) Hành lang Tây Ninh - Bình Dương. Hình thành hành lang kết nối từ Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài qua các huyện Gò Dầu, Dương Minh Châu (tỉnh Tây Ninh) tới các huyện Dầu Tiếng, Bàu Bàng (tỉnh Bình Dương); tại đây kết nối với hành lang kinh tế theo Quốc lộ 13, tiếp đó kết nối với đoạn hành lang Biên Hòa - Vũng Tàu. Tuyến hành lang này đóng vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển tiểu vùng phía Bắc, đồng thời kết nối với các hành lang kinh tế quan trọng của vùng và khu vực.

Từng bước phát triển hạ tầng giao thông đường bộ và đường sắt làm cơ sở kết nối. Phát triển các khu công nghiệp, trung tâm logistics, nhất là tại Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài và các huyện Gò Dầu (Tây Ninh), Bàu Bàng (Bình Dương). Mở rộng phát triển đô thị trên tuyến hành lang./.

Tài liệu tham khảo

1. Luật Quy hoạch, Luật số: 21/2017/QH14, ngày 24 tháng 11 năm 2017.
2. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII và XIII.